



**DANH SÁCH TRÚNG ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI 6 XÃ: MỸ HÀ, MỸ TÂN, MỸ TRUNG, MỸ THẮNG, MỸ THUẬN,
MỸ PHÚC, HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH**

(Kèm theo Quyết định số 4787 ngày 28/11/2023 của UBND huyện Mỹ Lộc)

STT	Họ và tên	Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Vị trí theo BĐQH		Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng	Giá khởi điểm		Giá trúng đấu giá	
			Thửa	Lô					Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền
I. XÃ MỸ HÀ					1.495,6					5.637.600.000		10.684.352.800
1	Đỗ Văn Đại	Thôn 4, Vũ Bản, Bình Lục, Hà Nam	9	10	103,5	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	3.000.000	310.500.000	5.010.000	518.535.000
2	Nguyễn Phúc Chinh	TDP 2 Thị trấn Liễu Đề, Nghĩa Hưng, Nam Định	9	9	104,8	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	3.000.000	314.400.000	4.944.000	518.131.200
3	Trần Công Chiến	Thôn 4, Mỹ Hưng, Mỹ Lộc, Nam Định	9	8	106,0	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	3.000.000	318.000.000	6.105.000	647.130.000
4	Trần Công Chiến	Thôn 4, Mỹ Hưng, Mỹ Lộc, Nam Định	9	7	107,2	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	3.000.000	321.600.000	6.625.000	710.200.000
5	Trần Viết Nghĩa	Xóm Bờn 1, Mỹ Thắng, Mỹ Lộc, Nam Định	9	6	108,5	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	3.000.000	325.500.000	6.688.000	725.648.000
6	Trần Viết Nghĩa	Xóm Bờn 1, Mỹ Thắng, Mỹ Lộc, Nam Định	9	5	109,7	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	3.000.000	329.100.000	6.850.000	751.445.000

STT	Họ và tên	Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Vị trí theo BĐQH		Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng	Giá khởi điểm		Giá trúng đấu giá	
			Thửa	Lô					Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền
7	Trần Văn Đoàn	Thôn 3, Vũ Bản, Bình Lục, Hà Nam	9	4	111,0	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	3.000.000	333.000.000	5.568.000	618.048.000
8	Hoàng Thị Lan Hương	Xóm 3, Mỹ Thành, Mỹ Lộc, Nam Định	9	3	112,2	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	3.000.000	336.600.000	5.560.000	623.832.000
9	Hoàng Văn Tám	Bào Long Làng, Mỹ Hà, Mỹ Lộc, Nam Định	9	2	113,5	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	3.000.000	340.500.000	6.120.000	694.620.000
10	Hoàng Văn Tám	Bào Long Làng, Mỹ Hà, Mỹ Lộc, Nam Định	9	1	114,7	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	3.000.000	344.100.000	6.550.000	751.285.000
11	Trần Công Chiến	Thôn 4, Mỹ Hưng, Mỹ Lộc, Nam Định	9	11	116,8	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	3.000.000	350.400.000	6.100.000	712.480.000
12	Lê Văn Viện	TDP Mỹ Tục, Thị trấn Mỹ Lộc, Mỹ Lộc, Nam Định	47+65 +66	1	83,9	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	7.000.000	587.300.000	12.818.000	1.075.430.200
13	Trần Thị Hồng Minh	Thôn Bền, Mỹ Hà, Mỹ Lộc, Nam Định	47+65 +66	2	83,9	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	7.000.000	587.300.000	12.856.000	1.078.618.400
14	Trần Ngọc Thi	Mỹ Thắng, Mỹ Lộc, Nam Định	39	1	119,9	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	7.000.000	839.300.000	10.500.000	1.258.950.000
II. XÃ MỸ PHÚC					101,0					1.212.000.000		1.212.505.000

STT	Họ và tên	Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Vị trí theo BĐQH		Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng	Giá khởi điểm		Giá trúng đấu giá	
			Thửa	Lô					Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền
15	Trần Duyên Huy	12/11 Vĩnh Trường, Lộc Vượng, TP Nam Định	29	5	101,0	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	12.000.000	1.212.000.000	12.005.000	1.212.505.000
III. XÃ MỸ TÂN					238,6					1.431.600.000		1.830.616.000
16	Trần Việt Nghĩa	Xóm Bườn 1, Mỹ Thắng, Mỹ Lộc, Nam Định	71	1	108,2	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	6.000.000	649.200.000	7.880.000	852.616.000
17	Trần Đình Lượng	Xóm Bườn 1, Mỹ Thắng, Mỹ Lộc, Nam Định	71	2	130,4	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	6.000.000	782.400.000	7.500.000	978.000.000
IV. XÃ MỸ THẮNG					1.558,0					29.042.000.000		29.980.978.000
18	Trần Văn Khiêm	Thôn Thát Đoài, Mỹ Thắng, Mỹ Lộc, Nam Định	225	1	84,0	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	15.000.000	1.260.000.000	15.012.000	1.261.008.000
19	Trần Minh Tâm	Xóm Thát Đoài, Mỹ Thắng, Mỹ Lộc, Nam Định	225	2	95,0	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	15.000.000	1.425.000.000	18.690.000	1.775.550.000
20	Trần Trọng Quang	Xóm Thát Đoài, Mỹ Thắng, Mỹ Lộc, Nam Định	225	8	144,0	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	15.500.000	2.232.000.000	15.505.000	2.232.720.000
21	Trần Công Tạo	Thôn Đoài Đông, Mỹ Thắng, Mỹ Lộc, Nam Định	225	3	115,0	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	15.000.000	1.725.000.000	17.500.000	2.012.500.000
22	Nguyễn Như Sơn	Thôn Mai Mỹ, Mỹ Thắng, Mỹ Lộc, Nam Định	58,71, 72	1	160,0	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	20.000.000	3.200.000.000	20.050.000	3.208.000.000

STT	Họ và tên	Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Vị trí theo BĐQH		Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng	Giá khởi điểm		Giá trúng đấu giá	
			Thửa	Lô					Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền
23	Nguyễn Văn Giang	Thôn 3, Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	58,71, 72	3	160,0	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	20.000.000	3.200.000.000	20.600.000	3.296.000.000
24	Trần Thị Hào	Xóm 9, Mỹ Thắng, Mỹ Lộc, Nam Định	58,71, 72	2	160,0	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	20.000.000	3.200.000.000	20.100.000	3.216.000.000
25	Trần Thị Vân Anh	Xóm 7, Mỹ Thắng, Mỹ Lộc, Nam Định	58,71, 72	4	160,0	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	20.000.000	3.200.000.000	20.050.000	3.208.000.000
26	Trần Thị Thơm Hương	Xóm 7, Mỹ Thắng, Mỹ Lộc, Nam Định	58,71, 72	6	160,0	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	20.000.000	3.200.000.000	20.500.000	3.280.000.000
27	Trần Sỹ Luân	Xóm 8, Mỹ Thắng, Mỹ Lộc, Nam Định	58,71, 72	5	160,0	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	20.000.000	3.200.000.000	20.070.000	3.211.200.000
28	Nguyễn Thị Hiền	Xóm Đình, Mỹ Thịnh, Mỹ Lộc, Nam Định	58,71, 72	7	160,0	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	20.000.000	3.200.000.000	20.500.000	3.280.000.000
V. XÃ MỸ THUẬN					414,0					1.746.000.000		2.944.332.000
29	Trần Văn Bình	Xóm Lộc, Mỹ Thuận, Mỹ Lộc, Nam Định	89	1	216,0	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	3.500.000	756.000.000	3.502.000	756.432.000
30	Trần Đình Lượng	Xóm Bườn 1, Mỹ Thắng, Mỹ Lộc, Nam Định	Mương	1	198,0	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	5.000.000	990.000.000	11.050.000	2.187.900.000

STT	Họ và tên	Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Vị trí theo BDQH		Diện tích (m2)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng	Giá khởi điểm		Giá trúng đấu giá	
			Thửa	Lô					Đơn giá (đ/m2)	Thành tiền	Đơn giá (đ/m2)	Thành tiền
VI. XÃ MỸ TRUNG					739,1					4.983.850.000		6.021.146.000
31	Phan Thị Thanh Hà	Thôn 2, Mỹ Trung, Mỹ Lộc, Nam Định	11	2	177,3	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	3.500.000	620.550.000	4.100.000	726.930.000
32	Phan Thị Thanh Hà	Thôn 2, Mỹ Trung, Mỹ Lộc, Nam Định	11	1	177,6	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	3.500.000	621.600.000	4.300.000	763.680.000
33	Trần Thị Thúy	Mỹ Trung, Mỹ Lộc, Nam Định	401	1	170,0	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	5.000.000	850.000.000	7.500.000	1.275.000.000
34	Trần Thị Hoa	Thôn 12, Mỹ Trung, Mỹ Lộc, Nam Định	51	1	103,0	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	13.500.000	1.390.500.000	17.000.000	1.751.000.000
35	Mai Trung Đô	Thôn 5, Mỹ Trung, Mỹ Lộc, Nam Định	501	1	111,2	ONT	Sử dụng riêng	Lâu dài	13.500.000	1.501.200.000	13.530.000	1.504.536.000
TỔNG					4.546,3					44.053.050.000		52.673.929.800